

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/NQ - HĐND

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 450/TTg-KTTH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí,

định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023. Tổng số nguồn vốn: **5.054.923,23 triệu đồng** (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo), bao gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 2.163.798 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn trong nước: 1.987.664 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

b) Vốn nước ngoài: 176.134 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2. Vốn ngân sách địa phương: 2.891.125,23 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn đầu tư ngân sách địa phương: 1.177.005,7 triệu đồng, bao gồm:

- Cấp tỉnh quản lý: 924.809,7 triệu đồng.

- Vốn đầu tư phân cấp cho cấp huyện: 252.196 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

b) Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 13.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

c) Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương): 283.531 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

d) Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 869.989 triệu đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 217.439 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

- Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh: 652.550 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo).

e) Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất: 547.599,53 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022/.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số vốn dự kiến năm 2023	Ghi chú
	TỔNG SỐ	5,054,923.23	
1	Vốn ngân sách trung ương	2,163,798	
-	Vốn trong nước	1,987,664	Phụ lục II
-	Vốn nước ngoài	176,134	Phụ lục III
2	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	2,891,125.23	
	<i>Trong đó: hỗ trợ xây dựng nông thôn mới</i>	<i>217,600</i>	
2.1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1,177,005.70	Phụ lục IV
-	Cấp tỉnh	924,809.70	
-	Cấp huyện	252,196	
2.2	Đầu tư từ nguồn thu xô số kiến thiết	13,000	Phụ lục V
+	<i>Các dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đạo tạo do cấp tỉnh quản lý</i>	<i>7,000</i>	
+	<i>Hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn mới</i>	<i>6,000</i>	
2.3	Nguồn vốn nước ngoài vay lại (Bội chi ngân sách địa phương)	283,531	Phụ lục III
2.4	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	869,989	
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất	217,439	Phụ lục VI
-	Các dự án sử dụng nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh	652,550	Phụ lục VII
2.5	Nguồn thu tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng nộp một lần của các nhà đầu tư và vốn sử dụng đất	547,599.53	Phụ lục VIII

Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn NSTW năm 2023	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					
					Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
	TỔNG SỐ		6,134,900	4,381,203	1,334,098	5,786,440	1,987,664			
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		90,000	90,000	0	90,000	30,000			
	Dự án nhóm B									
a	Dự án chuyển tiếp									

1	Trường Trung học phổ thông Túc Tranh, huyện Phú Lương	2022 -2025	Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	90,000	90,000	0	90,000	30,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
II	Y tế, dân số và gia đình			200,000	130,000	0	130,000	100,000		
	Dự án nhóm B									
a	Dự án chuyển tiếp			200,000	130,000	0	130,000	100,000		
1	Xây dựng mở rộng, nâng cấp Bệnh viện A Thái Nguyên	2022 -2025	Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	200,000	130,000	0	130,000	100,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
III	Thể dục, thể thao			466,062	200,000	266,062	200,000	100,000		
a	Dự án chuyển tiếp			466,062	200,000	266,062	200,000	100,000		

1	Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên	2022 -2025	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; số 179/NQ-HĐND ngày 04/11/2021	466,062	200,000	266,062	200,000	100,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			414,599	50,000	15,000	50,000	15,000	0	
	Dự án nhóm B, nhóm C									
a	Dự án chuyển tiếp			414,599	50,000	15,000	50,000	15,000		
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025	2022 -2025	Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	414,599	50,000	15,000	50,000	15,000	Chi cục Kiểm lâm	
V	Giao thông			4,699,287	3,657,884	1,041,403	3,657,884	1,188,416		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C									
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			4,699,287	3,657,884	1,041,403	3,657,884	1,188,416		

	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			4,699,287	3,657,884	1,041,403	3,657,884	1,188,416		
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	2019-2022	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 396/QĐ-UBND ngày 19/02/2021; số 1793/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	218,929	197,060	21,869	197,060	42,592	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
2	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	2022-2025	Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	699,358	345,824	353,534	345,824	145,824	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
3	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	2022-2025	Quyết định số 3518/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	3,781,000	3,115,000	666,000	3,115,000	1,000,000	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
VI	Công nghệ thông tin			149,952	149,952	0	149,952	28,000		

	Dự án nhóm B									
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			149,952	149,952	0	149,952	28,000		
	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>			<i>149,952</i>	<i>149,952</i>	<i>0</i>	<i>149,952</i>	<i>28,000</i>		
1	Đầu tư dự án về chuyên đổi số	2022-2024	Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	99,952	99,952	0	99,952	10,000	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Đầu tư hiện đại hóa kỹ thuật, công nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị, sự nghiệp phát thanh truyền hình tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Quyết định số 3208/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	50,000	50,000	0	50,000	18,000	Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh Thái Nguyên	
VII	Xã hội			115,000	103,367	11,633	103,367	73,317		
	Dự án nhóm B									
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025			115,000	103,367	11,633	103,367	73,317		

	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025			115,000	103,367	11,633	103,367	73,317		
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	45,000	33,367	11,633	33,367	23,317	BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Dự án Trung tâm điều dưỡng và Phục hồi chức năng tâm thần kinh Thái Nguyên	2022-2023		70,000	70,000	0	70,000	50,000		Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội
VIII	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA						1,405,237	452,931		
1	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới						662,870	253,373		Nghị quyết 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22/5/2022
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững						12,007	3,655		
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						730,360	195,903		

Phụ lục III

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch năm 2023			Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối Ngân sách Trung ương	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Đưa vào cân đối Ngân sách Trung ương			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) Vay lại - Bồi chi NS tỉnh	
					Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)									Tổng số
Tổng số	Trong đó: Vốn		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt											
	NSTW	NSDP		Tổng số	Trong đó:										

									Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
	TỔNG SỐ:			3,769, 977	1,386,262	93,027	1,210,778		2,383,715	1,088,858	1,294,857	663,592	93,027	570,56 5	459,665	176,13 4	283,531	
A	LĨNH VỰC CẤP, THOÁT NƯỚC			438,54 3	186,054	93,027	93,027		252,489	252,489	0	285,829	93,027	192,80 2	21,967	21,967	0	
<i>I</i>	<i>Dự án hoàn thành, chuyển tiếp</i>			438,54 3	186,054	93,027	93,027		252,489	252,489	0	285,829	93,027	192,80 2	21,967	21,967	0	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam Thành phố Thái Nguyên	2019- 2023	Quyết định số 1227/QĐ- UBND ngày 27/5/2015	438,54 3	186,054	93,027	93,027	10.846.696 EURO	252,489	252,489	0	285,829	93,027	192,80 2	21,967	21,967	0	Công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị tỉnh Thái Nguyên
B	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN			160,25 6	23,976	0	23,976		136,280	95,396	40,884	40,396	0	40,396	7,143	5,000	2,143	
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>			160,25 6	23,976	0	23,976		136,280	95,396	40,884	40,396	0	40,396	7,143	5,000	2,143	

2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	2017-2022	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 ; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160,256	23,976	0	23,976	5.883.710 USD	136,280	95,396	40,884	40,396	0	40,396	7,143	5,000	2,143	Sở Tài Nguyên và Môi trường
C	CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ			2,250,000	967,500	0	967,500		1,282,500	384,750	897,750	337,367	0	337,367	330,555	99,167	231,388	
I	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành</i>			2,250,000	967,500	0	967,500		1,282,500	384,750	897,750	337,367	0	337,367	330,555	99,167	231,388	
3	Phát triển tổng hợp đô thị động lực - thành phố Thái Nguyên	2018-2023	Quyết định số 425/QĐ-TTg 24/3/2021 ; số 875/QĐ-UBND 03/4/2018	2,250,000	967,500	0	967,500	57 triệu USD	1,282,500	384,750	897,750	337,367	0	337,367	330,555	99,167	231,388	UBND thành phố Thái Nguyên
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG NÔNG THÔN			921,178	208,732	0	126,275		712,446	356,223	356,223	0	0	0	100,000	50,000	50,000	

I	Dự án khởi công mới			921,178	208,732	0	126,275		712,446	356,223	356,223	0	0	0	100,000	50,000	50,000	
4	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	2022-2025	Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 12/5/2022	921,178	208,732	0	126,275	30,786 triệu USD	712,446	356,223	356,223				100,000	50,000	50,000	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh; Ban quản lý dự án ĐTXD công trình các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đông Hy, Định Hóa, Võ Nhai

Phụ lục IV

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến hoạch vốn NSĐP năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSĐP				
	TỔNG SỐ		9,732,147	2,321,649	4,726,108	3,394,961	1,177,005.7			
A	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)		9,732,147	2,321,649	4,726,108	2,014,961	924,809.7			
I	GIAO THÔNG VẬN TẢI		3,329,774	1,725,178	1,528,283	593,503	288,531			
a	Dự án hoàn thành		3,269,274	1,725,178	1,467,783	558,581	288,531			

1	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến ĐT 266 Khu công nghiệp Diềm Thụy	2014-2018	Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 13/6/2014; số 2233/QĐ-UBND ngày 09/10/2014; số 204/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	297,740	0	297,740	28,033	813	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
2	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình I (đoạn từ nút giao Yên Bình đến Km1+631,8)	2014-2020	Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 19/9/2014; số 1234/QĐ-UBND ngày 27/5/2015; số 843/QĐ-UBND ngày 30/2/2020; số 1422/QĐ-UBND ngày 04/5/2020	345,801	200,000	145,801	37,703	27,124	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
3	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	2016-2021	Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; Quyết định số 394/QĐ-UBND ngày 19/2/2021	170,000	121,080	48,920	9,653	6,341	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh

4	Nâng cấp đường Hóa Thượng-Hòa Bình (ĐT 273)	2018-2021	Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; số 395/QĐ-UBND ngày 19/2/2021	125,371	90,000	35,371	25,464	17,296	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
5	Đường giao thông Trảng Xá-Phương Giao, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên nối huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	2016-2021	Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 3476/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	170,000	121,080	48,920	18,173	11,938	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai
6	Đường Thăng Lợi kéo dài thành phố Sông Công	2016-2021	Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/2/2016; số 3480/QĐ-UBND ngày 08/11/2018	206,313	92,478	37,522	15,527	10,200	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công
7	Đường Na Giang- Khe Rạc-Cao Sơn xã Vũ Chấn đi Cao Biền xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai	2016-2021	Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; số 3492/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	102,764	73,480	29,284	13,888	9,603	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai

8	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	2020-2022	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND 11/12/2019; Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; Quyết định số 2094/QĐ-UBND 24/6/2021	465,000	70,000	395,000	10,500	8,622	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
9	Đường vành đai V vùng Thủ đô Hà Nội (đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông-Tây khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu).	2017-2022	Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 20/7/2017; số 3006/QĐ-UBND ngày 29/9/2020; số 397/QĐ-UBND ngày 19/02/2021	966,400	760,000	206,400	205,900	122,639	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
10	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn từ Km1+00 đến Km20+00, tỉnh Thái Nguyên	2019-2022	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; số 396/QĐ-UBND ngày 19/02/2021; số 1793/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; số 3048/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	218,929	197,060	21,869	20,000	14,206	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	

11	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ Ngã tư Sông Công (giao Quốc lộ 3 cũ) đến Ngã tư Điem Thụy (giao Quốc lộ 37)	2021-2022	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/3/2021; Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	200,956	0	200,956	173,740	59,749	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
b	Dự án chuyển tiếp			60,500	0	60,500	34,922	0		
1	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	2022-2024	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60,500	0	60,500	34,922	0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	Năm 2023 được bố trí bằng nguồn Thu tiền sử dụng đất
II	HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			500,535	0	500,535	151,000	54,000		
III	HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 57/NĐ-CP; NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2019/NQ-HĐND NGÀY 23/7/2019 CỦA HĐND TỈNH THÁI NGUYÊN			125,000	0	125,000	50,000	5,000		
IV	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP			758,081	386,025	272,056	166,067	84,465		

a	Các dự án hoàn thành đã quyết toán			210,533	139,960	70,573	28,481	15,144		
1	Sửa chữa, nâng cấp đập Pác Tác, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai	2011-2017	Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	27,092	0	27,092	2,584	2,584	Chi cục Thủy lợi	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê Mỏ Bạch kết hợp làm đường giao thông vào trường Đại học Nông Lâm và Trung tâm KTX Sinh viên Đại học Thái Nguyên	2013-2016	Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	75,441	59,960	15,481	1,174	1,174	Chi cục Thủy lợi	
3	Dự án Xử lý cấp bách đê tả Công đoạn từ K2+000-K5+000	2020-2023	Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	25,000	20,000	5,000	5,000	2,500	Chi cục Thủy lợi	
4	Dự án Kè đê Chã K5+050-K5+450	2020-2023	Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 03/7/2020	45,000	35,000	10,000	10,000	5,000	Chi cục Thủy lợi	
5	Xây dựng Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở bờ sông và ngập úng xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	2019-2021	Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; số 3341/QĐ-UBND ngày 16/10/2019; số 3761/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; số 2141/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	38,000	25,000	13,000	9,723	3,886	Chi cục Phát triển Nông thôn	
b	Các dự án hoàn thành			302,548	181,065	121,483	57,586	42,604		

1	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phở Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	2014-2022	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; số 3497/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	147,241	89,641	57,600	15,471	10,337	Chi cục Thủy lợi
2	Đường cứu hộ, cứu nạn đê Sông Công đoạn từ Quốc lộ 3 (K35+350) đến đê Sông Công (K4+900), thị xã Phở Yên	2017-2022	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	16,088	0	16,088	9,688	6,970	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh
3	Hồ chứa nước Vân Hán, xã Vân Hán, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	2016-2022	Quyết định số 4405/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	123,100	77,424	45,676	30,308	23,557	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh
4	Khu tái định cư xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ	2015-2022	Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 27/10/2014	16,119	14,000	2,119	2,119	1,740	Chi cục Phát triển Nông thôn
c	Dự án chuyển tiếp			80,000	65,000	15,000	15,000	7,317	

1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên	2020-2024	Quyết định số 4122/QĐ-BNN-TCTL ngày 30/10/2019	80,000	65,000	15,000	15,000	7,317	Chi cục Thủy lợi	
d	Dự án khởi công mới			165,000	0	65,000	65,000	19,400		
1	Sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên	2023-2024	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	15,000	0	15,000	15,000	4,400	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp các hồ đập trên địa bàn	2023-2024	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	150,000	0	50,000	50,000	15,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	
V	Y TẾ			364,231	76,603	156,428	140,292	46,731		
a	Dự án hoàn thành			69,506	23,078	46,428	30,292	18,231		

1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm pháp y	2016-2021	Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; số 3483/QĐ-UBND ngày 08/11/2017	69,506	23,078	46,428	30,292	18,231	Trung Tâm pháp y
b	Dự án chuyển tiếp			266,725	53,525	85,000	85,000	21,000	
1	Xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn I)	2021-2025	Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 930/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	266,725	53,525	85,000	85,000	21,000	Bệnh viện Y học cổ truyền
c	Dự án khởi công mới			28,000	0	25,000	25,000	7,500	
1	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	28,000	0	25,000	25,000	7,500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
VI	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			277,418	16,028	222,332	147,775	82,010	
a	Các dự án hoàn thành đã quyết toán			35,585	0	11,527	1,799	1,799	
2	Mở rộng, hoàn thiện CSVCS Trường THPT Trần Quốc Tuấn (giai đoạn II)	2018-2020	Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 30/10/2010	35,585	0	11,527	1,799	1,799	Sở Giáo dục và Đào tạo

b	Dự án hoàn thành			211,833	16,028	180,805	115,976	71,211		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Định Hóa tỉnh Thái Nguyên	2016-2020	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	63,697	16,028	47,669	15,102	4,002	Sở Giáo dục và Đào tạo	
2	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phổ Yên	2018-2022	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017; số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	49,536	0	49,536	23,253	18,683	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	
3	Xây dựng Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại từ	2019-2023	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98,600	0	83,600	77,621	48,526	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
c	Dự án khởi công mới			30,000	0	30,000	30,000	9,000		
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 2)	2023-2025	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 20/6/2022	30,000	0	30,000	30,000	9,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
VII	VĂN HÓA THỂ THAO, DU LỊCH			178,434	24,788	128,646	124,193	63,952		

a	Dự án hoàn thành			83,453	24,788	58,665	54,212	42,052		
1	Đền Lục Giáp, xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên	2018-2022	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 06/3/2018	23,453		23,453	19,000	13,138	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đền thờ Lý Nam Đế xã Tiên Phong-huyện Phổ Yên- tỉnh Thái Nguyên	2019-2023	Quyết định số 2279/QĐ-UBND 7/9/2016	60,000	24,788	35,212	35,212	28,914	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
b	Dự án chuyển tiếp			40,000	0	20,000	20,000	6,900		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà trưng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Định Hóa), xã Phú Đình, huyện Định Hóa	2022-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	40,000	0	20,000	20,000	6,900	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
c	Dự án khởi công mới			54,981	0	49,981	49,981	15,000		
1	Tu bổ di tích kiến trúc nghệ thuật quốc gia Đình Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình	2022-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	15,000	0	10,000	10,000	3,000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
2	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 162/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	39,981	0	39,981	39,981	12,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

VIII	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ			14,870	0	14,870	14,870	4,500		
a	Dự án khởi công mới									
1	Xây dựng Hồ sơ cố kết hợp hồ sinh học cho hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	14,870	0	14,870	14,870	4,500	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị	
IX	ĐỐI ỨNG ODA			2,831,244	93,027	527,398	246,685	127,434		
a	Dự án hoàn thành			1,471,523	0	308,095	29,658	14,434		
1	Dự án Hệ thống Thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	2011-2021	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950,488	0	252,717	9,200	9,200	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	

2	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	2016-2022	Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 22/10/2018; số 4037/QĐ-UBND ngày 16/12/2019; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	233,204	0	24,879	6,915	815	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Thái Nguyên	2017-2022	Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; số 580/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	127,575	0	6,523	2,068	678	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn
4	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên"	2017-2022	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160,256	0	23,976	11,475	3,741	Sở Tài nguyên và Môi trường
b	Dự án chuyển tiếp			438,543	93,027	93,028	90,752	63,000	
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	2019-2023	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438,543	93,027	93,028	90,752	63,000	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên

c	Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án			921,178	0	126,275	126,275	50,000		
1	Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	2022-2025	Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 12/5/2022	921,178	0	126,275	126,275	50,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	
X	THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG			4,500	0	4,500	4,500	3,306		
b	Các dự án chuyển tiếp			4,500	0	4,500	4,500	3,306		
1	Xây dựng hệ thống thông tin các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	4,500	0	4,500	4,500	3,306	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
XI	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			859,177	0	845,177	159,285	109,226.7		
a	Dự án hoàn thành			444,177	0	430,177	60,673	24,614.7		
1	Nhà đa chức năng của UBND tỉnh Thái Nguyên	2017-2020	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	185,000	0	185,000	19,480	1,705	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	

2	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đồng Hỷ và các công trình phụ trợ	2019-2022	Quyết định số 3121a/QĐ-UBND ngày 11/10/201; số 3924/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	227,700	0	227,700	27,700	13,850	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đồng Hỷ
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	2020-2022	Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	14,497.7	0	497.7	497.7	497.7	Sở Giao thông Vận tải
4	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	2021-2023	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	16,979	0	16,979	12,995	8,562	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Dự án khởi công mới			415,000	0	415,000	98,612	84,612	
1	Nhà đa năng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	10,000	0	10,000	10,000	3,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

2	Xây dựng trụ sở làm việc khỏi các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 77/NQ- HĐND ngày 21/6/2021	405,000	0	405,000	88,612	81,612	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
XII	AN NINH QUỐC PHÒNG			319,414	0	261,414	87,321	27,154		
a	Dự án hoàn thành			279,414	0	221,414	47,321	15,154		
1	Đồn Công an và Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Khu công nghiệp Yên Bình	2016-2021	Quyết định số 604/QĐ- UBND ngày 28/3/2016	75,786	0	72,786	20,253	8,829	Công an tỉnh	
2	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	2015-2022	Quyết định số 291/QĐ-H41- H45 ngày 31/12/2014	122,570	0	122,570	6,006	1,900	Công an tỉnh	
3	Di chuyển Đại đội kho C29 (ngân sách địa phương thực hiện giải phóng mặt bằng)	2021-2023	Quyết định số 2999/QĐ- BQP ngày 06/9/2021	74,562	0	19,562	19,562	2,925	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
4	Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự thị xã Phổ Yên - Giai đoạn 3	2020-2023	Quyết định số 3454/QĐ- UBND ngày 29/10/2020	6,496	0	6,496	1,500	1,500	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	

b	Dự án khởi công mới			40,000	0	40,000	40,000	12,000		
1	Xây dựng trụ sở, nơi làm việc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, giai đoạn 2021-2025	2023-2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	40,000	0	40,000	40,000	12,000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
XIII	HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ BỔ SUNG CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH			103,858	0	73,858	73,858	16,000		
1	Đầu tư các hạng mục công trình tại cơ sở 1 và cơ sở 2 của Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên (tính đối ứng)	2021-2025	Quyết định số 2598/QĐ-TLĐLD ngày 17/5/2021	35,000		5,000	5,000	5,000	Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	
2	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3875/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	14,858	0	14,858	14,858	3,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
3	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	2021-2025	Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 11/8/2021; Quyết định số 3901/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	14,000	0	14,000	14,000	3,000	Hội Nông dân tỉnh	

4	Quỹ phát triển hợp tác xã	2021-2025	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2021; Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	40,000	0	40,000	40,000	5,000	Liên minh hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên	
XIV	QUY HOẠCH TỈNH			65,612	0	65,612	55,612	2,500		
1	Dự án quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021-2022	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	65,612	0	65,612	55,612	2,500	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
XV	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							10,000		
B	VỐN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG (PHÂN CẤP CHO HUYỆN)						1,380,000	252,196		
B1	PHÂN CẤP CHO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ						1,280,000	210,000		Bổ sung 180 tỷ theo Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 31/3/2022
1	Thành phố Thái Nguyên						155,079	28,651	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên	
2	Thành phố Sông Công						105,560	16,334	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công	

3	Thành phố Phổ Yên						220,975	23,095	Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên	
4	Huyện Đại Từ						162,274	28,116	Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ	
5	Huyện Phú Bình						141,676	23,230	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình	
6	Huyện Phú Lương						118,612	21,689	Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương	
7	Huyện Đồng Hỷ						128,781	23,631	Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ	
8	Huyện Định Hóa						128,781	23,631	Ủy ban nhân dân huyện Định Hóa	
9	Huyện Võ Nhai						118,262	21,623	Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai	
B2	CHI TIẾT PHẦN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ (Đổi ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững; phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số)						100,000	42,196		
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững						1,801	548		

2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						76,517	41,648		
3	Phân bổ chi tiết sau						21,682	0		

Phụ lục V

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: XỔ SỐ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian Khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng năm	Tổng số	Trong đó: Vốn xổ số kiến thiết				
	TỔNG SỐ			598,953	41,000	41,000	13,000		
A	Đầu tư các công trình thuộc lĩnh vực GDĐT			98,600	15,000	15,000	7,000		
	<i>Các dự án lĩnh vực GDĐT cấp tỉnh quản lý</i>			<i>98,600</i>	<i>15,000</i>	<i>15,000</i>	<i>7,000</i>		

<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			98,600	15,000	15,000	7,000		
1	Xây dựng Trường Trung học phổ thông Đội Cán, huyện Đại Từ	2019-2023	Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 08/5/2019	98,600	15,000	15,000	7,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
B	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới			500,353	26,000	26,000	6,000		

Phụ lục VI

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công-hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến hoạch đầu tư công năm 2023	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Vốn					
					NSTW	NSDP				
	TỔNG SỐ:		861,188	87,521	599,049	372,278	217,439			
	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP ĐANG THỰC HIỆN		861,188	87,521	599,049	372,278	217,439			

1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	2015-2023	Quyết định số 291/QĐ-H41-H45 ngày 31/12/2014	122,570	0	122,570	28,757	15,242	Công an tỉnh	
2	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc- Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)		Quyết định số 973a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	123,000	87,521	35,479	23,243	17,319	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Dự án cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	2021-2023	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	30,000	0	30,000	29,800	12,243	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
4	Xây dựng Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự cấp xã năm 2021	2021-2023	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 25/9/2021	33,500	0	33,500	33,500	9,805	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
5	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ngã tư Thanh Xuyên đi đê Chã, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Quyết định số 1107/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70,000	0	21,000	20,800	16,271	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	

6	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi tổ dân phố Kim Thái, Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	49,618	0	15,000	14,900	11,656	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên
7	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Ngã tư Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70,000	0	21,000	20,800	16,271	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên
8	Dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ đi Viện Quân y 91, thị xã Phổ Yên	2021-2023	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 20/5/2021	50,000	0	15,000	14,900	11,656	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ vành đai V vùng thủ đô Hà Nội đi Khu di tích Lý Nam Đế, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (đoạn tuyến từ đường Vành đai V vùng Thủ đô mở mới về phía Nam đến khu Chùa Hương Ấp)	2021-2023	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	120,000	0	120,000	35,000	27,380	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên

10	Xây dựng, mở rộng, tôn tạo di tích "Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, xã La Bằng huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên"	2022-2024	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	22,000	0	15,000	15,000	7,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đại Từ
11	Nâng cấp, mở rộng đường Gom đoạn từ nút giao Yên Bình đến Khu công nghiệp Yên Bình (Km0-Km2+100)	2022-2024	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	60,500	0	60,500	25,578	5,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh
12	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên	2022-2024	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND 19/5/2021; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	20,000	0	20,000	20,000	15,596	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh
13	Xây dựng Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	2022-2024	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND 06/12/2021	90,000	0	90,000	90,000	52,000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

Phụ lục VII
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/chương trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư/ QĐ phê duyệt dự án/ QĐ phê duyệt quyết toán			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn TTSDĐ và SXLND còn lại giai đoạn 2024-2025	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn từ nguồn thu sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh		Tổng số	Trong đó: Riêng năm 2022				
	TỔNG SỐ			3,467,167	2,381,095	2,212,933	117,834	117,834	652,550	1,442,549		
A	GIAO THÔNG			1,162,776	1,082,276	914,114	17,534	17,534	216,000	680,580		
I	Dự án chuyển tiếp			465,000	384,500	384,500	17,534	17,534	79,000	287,966		
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Km31 (Quốc lộ 3) đến di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa (Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh)	2020-2022		465,000	384,500	384,500	17,534	17,534	79,000	287,966	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	

II	Dự án khởi công mới			697,776	697,776	529,614	400	400	137,000	392,214		
1	Đường nối QL3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) đến Khu công nghiệp Yên Bình đoạn từ Km3+516,9 đến Km5+434,18 và ĐT 261- giai đoạn II	2022-2025	Nghị quyết số 15/1NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	82,282	82,282	82,282	0	0	25,000	57,282	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	2023-2025	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	392,729	392,729	224,567	200	200	56,000	168,367	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
3	Dự án: Tuyến đường kết nối QL37 và đường ĐT269B, tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 194/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	222,765	222,765	222,765	200	200	56,000	166,565	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh	
B	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			506,452	417,840	417,840	150	150	111,450	306,240		
I	Dự án khởi công mới			506,452	417,840	417,840	150	150	111,450	306,240		
1	Trụ sở Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Các chi cục trực thuộc	2023-2024	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	64,452	64,452	64,452	100	100	20,000	44,352	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Xây dựng mới Nhà làm việc, nhà hội trường 250 chỗ của Sở Y tế và Chi cục dân số Kế hoạch hóa gia đình	2023-2025	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	37,000	37,000	37,000	50	50	11,450	25,500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	

3	Xây dựng trụ sở làm việc khỏi các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	2023-2025	Nghị quyết số 77/NQ- HĐND ngày 21/6/2021	405,000	316,388	316,388	0	0	80,000	236,388	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
C	VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH			637,864	437,864	437,864	100,100	100,100	131,500	206,264		
I	Dự án chuyển tiếp			466,062	266,062	266,062	100,000	100,000	80,000	86,062		
1	Xây dựng Sân vận động Thái Nguyên	2022-2025	Nghị quyết số 179/NQ- HĐND ngày 04/11/2021	466,062	266,062	266,062	200	0	80,000	186,062	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
II	Dự án Khởi công mới			171,802	171,802	171,802	100	100	51,500	120,202		
1	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao và Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	2023-2025	Nghị quyết số 162/NQ- HĐND ngày 12/8/2021	120,000	120,000	120,000	100	100	35,500	84,400	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	
2	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	2023-2025		51,802	51,802	51,802	0	0	16,000	35,802		
D	HỖ TRỢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			500,535	323,535	323,535	0	0	157,600	165,935		

E	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			20,000	20,000	20,000	50	50	6,000	13,950		
I	Dự án Khởi công mới			20,000	20,000	20,000	50	50	6,000	13,950		
1	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025	2023-2025	Nghị quyết số 168/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	20,000	20,000	20,000	50	50	6,000	13,950	Sở Thông tin và Truyền thông	
F	AN NINH - QUỐC PHÒNG			639,540	99,580	99,580	0	0	30,000	69,580		
1	Đề án “Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho lực lượng Công an xã, thị trấn”		Nghị quyết số 197/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	639,540			0	0		0	Công an tỉnh	
	Dự án Trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn giai đoạn 2021-2025	2023-2025		99,580	99,580	99,580	0	0	30,000	69,580	Công an tỉnh	

Phụ lục VIII

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
TỪ NGUỒN THU TIỀN THUÊ ĐẤT CÓ CƠ SỞ HẠ TẦNG TRẢ NỘP MỘT LẦN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ VÀ
VỐN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư/Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			NSTW	NSDP (NSNN và các nguồn vốn khác)					
	TỔNG SỐ:		4,289,444	120,000	4,169,444	903,700	547,599.53		
I	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021		4,268,444	120,000	4,148,444	882,700	526,899.53	Ban quản lý các Khu công nghiệp	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Đầm Thụy phần diện tích 180ha - Khu A	Quyết định số 2638/QĐ UBND ngày 24/10/2011	1,416,954	120,000	1,296,954	138,995	120,000	Ban quản lý các Khu công nghiệp	

2	Dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và nhà ở cho công nhân khu công nghiệp Đầm Thụy (Phần diện tích 180 ha).	Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 20/8/2013	198,337	0	198,337	165,384	48,133	Ban quản lý các Khu công nghiệp
3	Dự án: Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân tại xóm Hắng, xã Hồng Tiến, huyện Phổ Yên phục vụ Khu công nghiệp Đầm Thụy phần diện tích 180ha	Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	202,380	0	202,380	102,697	86,330	Ban quản lý các Khu công nghiệp
4	Dự án Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội – Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT266 (đoạn Km3 ÷ Km4+725,87)	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	76,833	0	76,833	69	69	Ban quản lý các Khu công nghiệp
5	Mương thoát nước ngập úng cho khu vực ngoài Quy hoạch Khu công nghiệp Đầm Thụy (DT 180 ha)	Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 06/10/2014	14,038	0	14,038	1,966	1,966	Ban quản lý các Khu công nghiệp
6	San nền tạo khuôn viên cây xanh và cảnh quan khu vực xen kẽ giữa đường Gom vào Khu công nghiệp Yên Bình và Quốc lộ 3 mới	Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	14,797	0	14,797	280	280	Ban quản lý các Khu công nghiệp
7	Xây dựng bổ sung đường dây điện và trạm cắt 35KV cấp điện tạm thời 14 nhà máy	Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 05/12/2014	2,438	0	2,438	253	253	Ban quản lý các Khu công nghiệp
8	Đường 36m nối Khu công nghiệp Sông Công II với QL.3 cũ và nút giao Sông Công	Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	264,564	0	264,564	34,731	34,731	Ban quản lý các Khu công nghiệp

9	Dự án Xây dựng Khu công nghiệp Sông Công II - diện tích 250ha	Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 25/4/2017, số 3626/QĐ-UBND ngày 07/11/2019	1,757,775	0	1,757,775	252,723	102,150.53	Ban quản lý các Khu công nghiệp
10	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp Sông Công II	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	320,328	0	320,328	185,602	132,987	Ban quản lý các Khu công nghiệp
II	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025		21,000	0	21,000	21,000	20,700	
1	Xây dựng hoàn trả đường Nguyễn Văn Cừ đoạn tránh Khu công nghiệp Sông Công II	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 19/5/2021	21,000	0	21,000	21,000	20,700	Ban quản lý các Khu công nghiệp